

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 51/2022/HSST

Ngày: 06-01-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tường

Bà Lê Thị Oanh

Thư ký phiên toà: Bà Trần Minh Phương- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Hà Trọng Lam- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 55/2021/HSST, ngày 02 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Bình A, sinh năm 2002

HKTT và Nơi ở hiện nay: Số 129 phố N, phường N, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1984; Có vợ là Lê Thị Huyền T, có 01 con sinh năm 2022; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Mai Thị X, sinh năm 1968 (Vắng mặt)
2. Bà Mai Thị H, sinh năm 1971. (Vắng mặt)
3. Chị Trịnh Thị Nh, sinh năm 1980. (Vắng mặt)
4. Bà Trần Thị H, sinh năm 1968. (Có đơn xin xử vắng mặt)
5. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1973. (Vắng mặt)
6. Bà Doãn Thị C, sinh năm 1961. (Vắng mặt)
7. Bà Lê Thị H, sinh năm 1960. (Vắng mặt)
8. Anh Lê Văn Q, sinh năm 2002 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 7 năm 2021, Nguyễn Bình A đã cho nhiều người trên địa bàn thành phố Thanh Hóa vay tiền lấy lãi dưới hình thức vay thăm trả góp trong vòng 50 ngày với lãi suất từ khoảng 4.000đ đến 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Cụ thể: Nếu vay của A 5.000.000đ thì người vay chỉ được nhận số tiền 4.000.000đ nhưng vẫn phải viết giấy vay của A là 5.000.000đ và mỗi ngày phải trả cho A 100.000đ cho đến khi đủ 5.000.000đ. Nếu vay 10.000.000đ thì người vay chỉ được nhận số tiền 8.000.000đ nhưng phải viết giấy vay 10.000.000đ và mỗi ngày trả cho A 200.000đ cho đến khi trả đủ 10.000.000đ. Nếu vay 12.000.000đ thì người vay được nhận số tiền 10.000.000đ phải viết giấy vay 12.000.000đ và mỗi ngày phải trả cho A 200.000đ cho đến khi trả đủ 12.000.000đ.

Quá trình điều tra đã xác định được 07 khách hàng đã vay của Nguyễn Bình A với tổng số tiền là 190.000.000đ, cụ thể:

1. Bà Mai Thị X đã vay của A với hình thức nêu trên tổng cộng 05 lần (gồm các ngày 03/12/2020; 15/01/2021; 24/02/2021; 05/4/2021 và 15/5/2021) với tổng số tiền thể hiện trên giấy vay là 50.000.000đ, nhưng trên thực tế bà X chỉ nhận được 40.000.000đ, với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, thời hạn mỗi gói vay là 50 ngày. Tính đến ngày 12/7/2021, bà X đã trả cho A tổng số tiền gốc là 40.000.000đ, lãi là 10.000.000đ. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 1.369.000đ. Do đó số tiền A thu lợi bất chính là 8.631.000đ.

2. Bà Mai Thị H đã vay của A theo hình thức nêu trên tổng cộng 7 lần (gồm các ngày 06/8/2020; ngày 15/9/2020; ngày 26/10/2020; ngày 06/12/2020; ngày 15/01/2021; ngày 24/02/2021 và ngày 05/4/2021) với tổng số tiền 70.000.000đ nhưng bà H chỉ được nhận về số tiền 56.000.000đ, với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, thời hạn mỗi gói vay là 50 ngày. Tính đến ngày 12/7/2021, bà H đã trả cho A tổng số tiền gốc là 56.000.000đ, lãi là 14.000.000đ. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 1.917.000đ. Do đó số tiền A thu lợi bất chính là 12.083.000đ.

3. Chị Trịnh Thị N đã vay của A theo hình thức nêu trên tổng cộng 05 lần (gồm các ngày 27/12/2020; ngày 10/01/2021; ngày 20/02/2021; ngày 01/4/2021 và ngày 10/5/2021) với tổng số tiền 30.000.000đ nhưng chị N chỉ được nhận về số tiền 24.000.000đ, với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, thời hạn mỗi gói vay là 50 ngày. Tính đến ngày 10/7/2021, chị N đã trả cho A tổng số tiền gốc là 24.000.000đ, lãi là 6.000.000đ. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 822.000đ. Do đó số tiền A thu lợi bất chính là 5.178.000đ.

4. Bà Trần Thị H đã vay của A theo hình thức nêu trên tổng cộng 03 lần (gồm các ngày 11/01/2021 và ngày 21/02/2021) với tổng số tiền 36.000.000đ nhưng bà H chỉ được nhận về số tiền 30.000.000đ, với lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày, thời hạn mỗi gói vay là 50 ngày. Tính đến ngày 12/7/2021, bà H đã trả cho A tổng số tiền gốc

là 24.000.000đ, lãi là 4.800.000đ. Bà H còn nợ lại A 6.000.000đ tiền gốc và 1.200.000đ tiền lãi. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 986.000đ. Do đó số tiền A đã thu lợi bất chính là 3.814.000đ.

5. Bà Phạm Thị D đã vay của A theo hình thức nêu trên tổng cộng 02 lần vào các ngày 01/3/2021 và ngày 10/4/2021 với tổng số tiền 20.000.000đ nhưng bà D chỉ được nhận về số tiền 16.000.000đ, với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, thời hạn mỗi gói vay là 50 ngày. Tính đến ngày 12/7/2021, bà D đã trả cho A tổng số tiền gốc là 16.000.000đ, lãi là 4.000.000đ. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 548.000đ. Do đó số tiền thu lợi bất chính là 3.452.000đ.

6. Bà Doãn Thị C đã vay của A theo hình thức nêu trên tổng cộng 02 lần vào ngày 15/12/2020 và ngày 01/02/2021 với tổng số tiền 10.000.000đ nhưng bà C chỉ được nhận về số tiền 8.000.000đ, với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, thời hạn mỗi gói vay là 50 ngày. Tính đến ngày 12/7/2021, bà C đã trả cho A tổng số tiền gốc là 8.000.000đ, lãi là 2.000.000đ. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 274.000đ. Do đó số tiền A thu lợi bất chính là 1.726.000đ.

7. Bà Lê Thị H đã vay của A theo hình thức nêu trên tổng cộng 02 lần vào ngày 16/11/2020 và ngày 07/01/2021 với tổng số tiền 20.000.000đ nhưng bà H chỉ được nhận về số tiền 16.000.000đ, với lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày, thời hạn mỗi gói vay là 50 ngày. Tính đến ngày 12/7/2021, bà H đã trả cho A tổng số tiền gốc là 16.000.000đ, lãi là 4.000.000đ. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 548.000đ. Do đó số tiền A thu lợi bất chính là 3.452.000đ.

Tổng số tiền thực tế A đã cho 07 khách hàng nêu trên vay là 190.000.000đ với lãi suất từ 146%/năm đến 182,5%/năm. Tổng số tiền A đã thu của 07 khách hàng này 44.800.000đ. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm. Lãi suất được thu tối đa được xác định như sau: Tiền lãi tối đa = Số tiền vay x 20%/năm/365 ngày x Số ngày vay. Mỗi gói vay, An cho vay là 50 ngày, do đó số tiền lãi tối đa mà A được thu của khách là 6.464.000đ; Số tiền mà A đã thu lợi bất chính là 38.336.000đ.

Trong quá trình thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, đầu tháng 3 năm 2021, Nguyễn Bình A đã thuê Lê Văn Q đi thu tiền nợ cho A và trả lương cho Q mỗi tháng 3.000.000đ, tổng số tiền mà Q tham gia thu lợi bất chính là 11.167.500đ. Do đó, hành vi của Lê Văn Q chưa cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra đã răn đe, giáo dục Lê Văn Q.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Bình A đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 07/CT-VKS, ngày 29/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa truy tố Nguyễn Bình A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bình A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Truy thu của Nguyễn Bình A số tiền gốc 184.000.000đ (Một trăm tám mươi tư triệu đồng) và 6.464.000đ là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm để sung quỹ Nhà nước; Truy thu của bà Trần Thị H số tiền còn nợ A 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước; Buộc bị cáo trả lại cho 07 người vay tiền số tiền thu lợi bất chính của người vay.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Bình A khai nhận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 7 năm 2021, Nguyễn Bình A đã cho 07 lượt khách hàng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa vay tiền lấy lãi dưới hình thức vay thăm trả góp, mỗi gói vay trả trong thời hạn 50 ngày với lãi suất từ khoảng 4.000đ đến 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày.

Tổng số tiền thực tế An đã cho 07 khách hàng nêu trên vay là 190.000.000đ với lãi suất từ 146%/năm đến 182,5%/năm, vượt quá 5,8 đến 9,1 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tổng số tiền lãi A đã thu của 07 khách hàng này 44.800.000đ, thu lợi bất chính là 38.336.000đ.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết

luận Nguyễn Bình A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay tài sản. Mặc dù bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái nhưng vì háo lợi nên bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay tiền để hưởng số tiền lãi vượt quá lãi suất mà pháp luật quy định. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo cũng như giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền nơi cư trú cũng đủ sức giáo dục, cải tạo đối với bị cáo.

Đối với bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ phải bị khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 nhưng do bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định (Có xác nhận của chính quyền địa phương) nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận nên cần áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền gốc 190.000.000đ là khoản tiền bị cáo sử dụng cho vay là phương tiện phạm tội nên cần truy thu để sung quỹ Nhà nước, do bà Trần Thị H đang còn nợ A 6.000.000đ nên An được trừ đi số tiền này và truy thu từ bà H 6.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi suất mà bị cáo thu lợi bất chính phát sinh từ tội phạm là 6.464.000đ cần truy thu tại bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 38.336.000đ lãi suất trên mức lãi 20%/năm mà bị cáo thu lợi bất chính từ người vay nên buộc bị cáo trả lại cho những người vay (Cụ thể: Thu của bà H 12.083.000đ; Thu của bà X 8.631.000đ; Thu của bà H 3.452.000đ; Thu của bà Dung 3.452.000đ; Thu của bà C 1.726.000đ; Thu của chị N 5.178.000đ; Thu của bà H 3.814.000đ).

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Bình A phạm tội *“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”*.

Xử phạt: Nguyễn Bình A 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Bình A cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường nơi bị cáo cư trú nhận được hồ sơ thi hành án của Cơ quan thi hành án hình sự và tổ chức giám sát, giáo dục người chấp hành án.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Bình A 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Truy thu của Nguyễn Bình A số tiền gốc 184.000.000đ (Một trăm tám mươi tư triệu đồng) và 6.464.000đ là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm để sung quỹ Nhà nước. Tổng cộng 190.464.000đ (Một trăm chín mươi triệu, bốn trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

- Truy thu của bà Trần Thị H số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo trả lại tiền cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên, cụ thể:

Trả cho bà Mai Thị H 12.083.000đ; Trả cho bà Mai Thị X 8.631.000đ; Trả cho bà Lê Thị H 3.452.000đ; Trả cho bà Phạm Thị D 3.452.000đ; Trả cho bà Doãn Thị C 1.726.000đ; Trả cho chị Trịnh Thị N 5.178.000đ; Trả cho bà Trần Thị H 3.814.000đ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14. Bị cáo Nguyễn Bình A phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trương Thị Anh